

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 9 - 2024

V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử công khai vụ án dân sự Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Ngọc L, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Duy T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Hiện trú tại: S, 20099 H, Cộng hoà liên bang Đ; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, chị Lưu Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Phạm Duy T tìm hiểu yêu nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22 tháng 02 năm 2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình chị được 7 tháng. Lúc đó anh T không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế gia đình khó khăn vợ chồng bàn bạc để anh T đi xuất khẩu lao động ở C liên bang Đ, vợ chồng vay mượn hai bên gia đình nội ngoại để anh T đi. Thời gian mới sang Đức anh T cũng chịu khó làm ăn và luôn gọi điện về động viên vợ con. Sau một năm anh T gửi tiền về trả hết nợ cho hai bên gia đình, cũng thời điểm đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không gửi tiền về và cũng không quan tâm gì đến chị nữa, mỗi khi anh điện thoại về chỉ hỏi thăm con, nên vợ chồng có những lời nói xúc phạm nhau. Sau đó, chị phát hiện anh T có người phụ nữ khác nên mâu thuẫn càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng

ngày càng phai nhạt dần. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2022. hiện nay con đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không nợ nần gì ai cũng như không ai nợ gì vợ chồng. Vì vậy, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai mà bị đơn - anh Phạm Duy T gửi về ngày 19/4/2024, anh T trình bày: Anh và chị Lưu Thị Ngọc L tìm hiểu, yêu nhau, đăng ký kết hôn rồi về chung sống tại gia đình bố mẹ vợ đúng như chị L trình bày. Lúc đó anh chưa có công ăn việc làm ổn định, chị L thì đang mang thai nên kinh tế gia đình khó khăn, hai vợ chồng làm không đủ trang trải cho sinh hoạt nên vợ chồng bàn bạc vay tiền của hai bên gia đình nội ngoại cho anh sang Đ làm ăn. Thời gian sang Đức anh cũng chịu khó làm ăn và mượn bạn bè để gửi tiền về trả nợ cho hai bên gia đình nội ngoại. Do tình hình dịch Covid-19 trên toàn thế giới nên việc làm ăn lâm vào khó khăn, thu nhập cũng có hạn nên anh không gửi tiền về cho vợ như trước đó được. Vì vậy nên chị L nghi ngờ anh không chung thủy, vợ chồng lời qua tiếng lại, thậm chí xúc phạm nhau nhưng anh cũng bỏ qua. Bố mẹ anh cũng gặp gỡ động viên nhưng chị L không nghe mà tỏ thái độ với bố mẹ chồng nên anh cũng chán nản ít liên lạc về. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh cũng thấy tình cảm với chị L không còn nên cũng nhất trí ly hôn.

Vợ chồng anh chị có một con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2022 hiện đang ở với chị L. Nếu ly hôn anh cũng nhất trí giao con cho chị L nuôi dưỡng vì anh đang ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu mỗi tháng 5.000.000 đồng thì anh không nhất trí vì vượt quá khả năng. Anh chỉ chấp nhận đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung của vợ chồng anh cũng nhất trí như trình bày của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lưu Thị Ngọc L được ly hôn anh Phạm Duy T; về con chung: giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2022 và buộc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; tài sản chung và nợ không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn hiện đang cư trú, lao động tại nước ngoài. Tại Thông báo số: 949/CV - QLXNC ngày 04/4/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q thì Phạm Duy T đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 30/8/2022 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng cho Đ1 tại Cộng hoà liên bang Đ để tổng đạt và gửi cho bị đơn theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã nhận được B tự khai, Đơn trình bày và xin xét xử vắng mặt của bị đơn. Để bảo đảm tính xác thực, Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bị đơn với mẫu so sánh trên giấy đăng ký kết hôn của nguyên đơn, bị đơn được UBND xã T, huyện B thực hiện ngày 22/02/2022. Tại Kết luận giám định số: 533/KL - KTHS ngày 05/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: chữ ký, chữ viết “Phạm Duy T” tại Bản tự khai và Đơn trình bày do cùng một người ký và viết ra. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Ngọc L và anh Phạm Duy T tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, lý do vợ chồng không quan tâm đến nhau, vợ chồng có những lời nói xúc phạm nhau, không tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và cho đến nay thì không còn nữa. Chị L dứt khoát xin ly hôn anh T và anh T cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy anh chị không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xác định chị Lưu Thị Ngọc L và anh Phạm Duy T có 01 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2022, hiện con chung đang sống cùng với chị L và chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Anh T cũng đồng ý nguyện vọng được nuôi con của chị L. Hội đồng xét xử thấy, hiện tại anh T đang ở nước ngoài, vì vậy, nên giao con chung của anh chị cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cần buộc anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Hai bên đương sự thống nhất trình bày không có tài sản chung nên không xem xét.

[3]. Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án chi phí tố tụng hết 6.240.000 đồng. Cần buộc nguyên đơn - chị Lưu Thị Ngọc L phải

chịu toàn bộ chi phí tố tụng nói trên. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L đã nộp tạm ứng đủ số tiền 6.240.000 đồng nên được khấu trừ.

[4]. Về án phí: Chị Lưu Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp. Anh Phạm Duy T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 161, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị Ngọc L ly hôn với anh Phạm Duy T.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Lưu Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 27/10/2022. Buộc anh Phạm Duy T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lính mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ tháng 9/2024 cho đến con chung là Phạm Minh K tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Lưu Thị Ngọc L phải chịu 6.240.000 đồng (sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) chi phí tố tụng. Chị L đã nộp đủ.

5. Về án phí: Chị Lưu Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004826 ngày 04/3/2024. Chị Lưu Thị Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Duy T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn - chị Lưu Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định. Bị đơn - anh Phạm Duy T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Diệu